

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2017/HSST

Ngày: 20-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Vũ.

2. Bà Lò Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân, Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Hoài Thu, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2017/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên số: 62/2017/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Dương Xuân T1 (tên gọi khác: Không) sinh năm: 1986, tại huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, thôn K, xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở trước ngày bị bắt: Kì ốt số 21, Tổ 7, phường N, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Xuân D và bà: Bùi Thị N; có vợ: Hoàng Thị L và 02 người con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (14 ngày) từ ngày 18-02-2017 đến ngày 03-3-2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hồng T2 (tên gọi khác: Không) sinh năm: 1985, tại N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở trước ngày bị bắt: Tổ 15, phường H, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Th và bà: Nguyễn Thị H; có vợ: Bùi Thị M và 01 người con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm

giữ, giam (26 ngày) từ ngày 18-02-2017 đến ngày 15-3-2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Văn H (tên gọi khác: Không) sinh năm: 1974, tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã D, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; chỗ ở trước ngày bị bắt: Số nhà 300, Tổ 06, phường N, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn H và bà: Đỗ Thị V; có vợ: Vũ Thị P và 02 người con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, giam (20 ngày) từ ngày 18-02-2017 đến ngày 09-3-2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Hữu T3 (tên gọi khác: Không) sinh năm: 1973, tại huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 7, xã G, huyện Q, tỉnh Thái Bình; chỗ ở trước ngày bị bắt: Tổ 1, xã T, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu Tr và bà: Nguyễn Thị S; có vợ: Nguyễn Thị K và 02 người con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, giam (20 ngày) từ ngày 18-02-2017 đến ngày 09-3-2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn T4 (tên gọi khác: Không) sinh năm: 1960, tại H, Thái Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu X, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; chỗ ở trước ngày bị bắt: số nhà: 26, tổ 19, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C và bà: Trần Thị S; có vợ: Mai Thị B và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1981, con nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, giam (20 ngày) từ ngày 18-02-2017 đến ngày 09-3-2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Bùi Thanh C (tên gọi khác: Không) sinh năm: 1983, tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: số nhà: 05, Tổ 21, phường T, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Thanh S và bà: Lê Thị B; có vợ: Vũ Thị Y và 02 người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, giam (21 ngày) từ ngày 18-02-2017 và bị tạm giam đến ngày 10-3-2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Đình D1 (tên gọi khác: Không) sinh năm: 1977 tại thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố V 2, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở trước ngày bị bắt: Tổ 20, phường T, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân B và bà: Trần Thị T; có vợ 1: Lãng Tố Q (đã ly hôn), vợ 2: Bạc Thị B và 02 người con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, giam(20 ngày) từ ngày 18-02-2017 đến ngày 09-3-2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Trịnh Xuân D2 (tên gọi khác: Không) sinh năm: 1980, tại huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; chỗ ở trước ngày bị bắt: khu U, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Xuân Đ và bà: Bùi Thị L; có vợ: Chu Thị N và 03 người con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo có nhân thân sáu: ngày 04-8-2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 14 tháng cải tạo không giam giữ, sau khi khấu trừ thời gian tạm giữ, giam bị cáo đã thi hành xong, bị cáo phạm tội sau khi đã được xóa án tích. bị cáo bị bắt tạm giữ, giam (21 ngày) từ ngày 18-02-2017 đến ngày 10-3-2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 17-02-2017, Dương Xuân T1, đang ở nhà thì có Nguyễn Hồng T2, Bùi Văn H đến chơi để hỏi về công việc làm thuê trong lúc ngồi chơi uống nước, bị cáo Dương Xuân T1 rủ T2 và H đánh bài ăn tiền hình thức đánh “liêng”, T2 và H đồng ý. T1 đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân về rồi dẫn T2, H lên trên tầng 2 của ki ốt mà T1 tạm trú, trải chiếu ngồi dưới nền nhà. Trước khi đánh bạc T1, T2 và H tự hiểu cách thức chơi như sau: Sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Quy ước mỗi ván mỗi người được chia 03 quân bài, cộng số điểm của 03 quân bài để độ với nhau, trong đó quân A (át) tính là 1 điểm, các quân 10, J, Q, K tính là 0 điểm, lấy số hàng đơn vị của tổng điểm để so sánh, bài 9 điểm là cao nhất bằng điểm nhau thì độ quân, độ chất (rô, cơ, nhép, bích) ai cao điểm nhất là thắng được thu tiền đặt cược của tất cả những người chơi. Trường hợp ai có 03 quân bài giống nhau gọi là “sáp”, 03 quân bài có thứ tự liên tiếp nhau trong bộ bài gọi là “liêng”, 03 quân bài có hình người (tức các quân J, Q, K) không cần giống nhau về chất

hoặc liên tiếp nhau gọi là “ảnh”. Nếu độ bài thì “sáp” cao nhất đến “liêng” đến “ảnh” rồi so sánh đến điểm bình thường.

Trước khi chơi mỗi ván mỗi người đặt 50.000 đồng (gọi là vào gà), sau khi xem bài của mình xong nếu ai thấy bài điểm cao thì có quyền “tố” (đặt thêm) tiền cược, ai thấy bài điểm thấp tự chịu thua thì úp bài không cần độ điểm và mất số tiền đã đặt. Nếu ai theo người “tố” thì đặt thêm tiền bằng tiền người “tố” và có quyền “tố” thêm nhưng tối đa không quá 200.000 đồng. Sau khi đã đặt tiền cược thì độ bài với nhau, bài của người có số điểm cao nhất ván chơi là thắng và được thu số tiền những người đã đặt trong ván đó. Người thắng ván này được chia bài ván tiếp theo.

Trước khi chơi T1 bỏ ra 7.300.000 đồng, T2 bỏ ra 1.450.000 đồng và H bỏ ra 300.000 đồng đánh bạc được khoảng 30 phút thì Nguyễn Hữu T3, Nguyễn Văn T4, Bùi Thanh C, Nguyễn Đình D1, Trịnh Xuân D2 lần lượt đến nhà T1 chơi và hỏi về công việc làm thuê xây dựng thì thấy T1, T2 và H đang đánh bạc thấy vậy, T3 hỏi vay tiền của T2: 500.000 đồng và vay của C: 1.000.000 đồng, T4 vay của H 50.000 đồng, C bỏ ra 700.000 đồng, D1 bỏ ra 200.000 đồng và D2 bỏ ra 1.200.000 đồng cùng tham gia đánh bạc. Cả tám người ngồi quay mặt vào nhau thành vòng tròn theo thứ tự từ phải sang trái là T1, C, D2, T4, D1, T3, H, T2, đánh bạc đến 00 giờ 10 phút ngày 18/02/2017 thì bị tổ công tác Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Điện Biên phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu số tiền 12.650.000 đồng và một bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ trong ví của Nguyễn Văn T4 số tiền 3.500.000 đồng, số tiền này T4 khai, sẽ bỏ ra để tiếp tục đánh bạc khi bị thua hết số tiền đã vay.

Tại bản Cáo trạng số: 12/QĐ-VKS-P2 ngày 12-5-2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự.

Bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên ngồi duy trì công tố đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm giữ nguyên tội danh, khung hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử

- Căn cứ Khoản 1 Điều 248/BLHS, Điểm h, Điểm p Khoản 1 Điều 46/BLHS, xử phạt bị cáo: Dương Xuân T1: Từ 04 đến 06 tháng tù.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 248/BLHS, Điểm p Khoản 1 Điều 46/BLHS, NQ 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016, Khoản 3 Điều 7; Điểm x Khoản 1 Điều 51/BLHS (năm 2015) Xử phạt bị cáo: Trịnh Xuân D2: Từ 03 đến 05 tháng tù;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 248/BLHS, Điểm h, Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 30/BLHS phạt tiền đối với các bị cáo:

- Nguyễn Hồng T2: từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.
- Bùi Văn H: từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng.
- Nguyễn Hữu T3: từ 14.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.
- Bùi Thanh C: từ 13.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng.

- Nguyễn Đình D1: từ 9.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.
- Nguyễn Văn T4: từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng án phí đối với các bị cáo và xử lý vật chứng trong vụ án theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở đã xem xét toàn diện, đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Sau khi kiểm tra xem xét toàn bộ về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, trong quá trình điều tra, truy tố đúng với quy định của pháp luật, xét thấy các bị cáo không có khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử.

Qua quá trình điều tra, xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát vừa công bố là đúng. Lời khai nhận tội của các bị cáo đã phù hợp với toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với các bản hỏi cung của các bị cáo khai nhận tại Cơ quan điều tra và phù hợp với Biên bản phạm pháp quả tang. Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ xác định rằng: Ngày 18-02-2017 các bị cáo: Dương Xuân T1, Bùi Thanh C, Nguyễn Văn T4, Trịnh Xuân D2, Bùi Văn H, Nguyễn Hồng T2, Nguyễn Hữu T3, Nguyễn Đình D1, đã có hành vi dùng bộ bài tú lơ khơ để đánh bạc ăn tiền hình thức đánh gọi là đánh "liêng" để sát phạt nhau được thua bằng tiền tại nơi cư trú của T1. Thu giữ được số tiền đánh bạc với tổng số tiền: 16.150.000 đồng (trong đó thu trên chiếu bạc số tiền: 12.650.000 đồng; thu của bị cáo T4 3.500.000 đồng) cùng 52 quân bài tú lơ khơ.

Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi đánh bài ăn tiền của các bị cáo là trái với luật pháp qui định và hành vi phạm tội của các bị cáo là đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" với số tiền mà các bị cáo đánh bạc như trên là đã phạm vào Khoản 1 Điều 248/BLHS chính vì vậy Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo ra trước Tòa án là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Xét thấy các bị cáo bị truy tố theo Khoản 1 Điều 248/BLHS thuộc án ít nghiêm trọng, thuộc thẩm quyền điều tra của cấp huyện, thị nhưng vụ án có tính chất phức tạp, do có nhiều bị can, bị cáo, có hộ khẩu thường trú ở nhiều tỉnh, địa phương khác nhau để thuận lợi cho công tác điều tra, truy tố, xét xử. Cơ quan tiến hành tố tụng đã họp liên ngành, quyết định để lại cấp tỉnh điều tra, truy tố, xét xử (BL245-246).

Xét tính chất vụ án và nhân thân của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng sâu đến trật tự trị an, tại nơi xảy ra vụ án. Trước khi phạm tội tất cả các bị cáo đều nhận biết được hành vi đánh bạc là trái với quy định của luật pháp nhưng các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội điều đó chứng tỏ các bị cáo đã coi thường luật pháp do vậy Hội đồng xét xử cần phải có một hình phạt tương xứng với tính chất vụ án mà các bị cáo gây ra và mang tính chất phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Xét thấy, vụ án có nhiều bị cáo tham gia, xong các bị cáo đồng phạm với vai trò gián đơn nhưng cũng phải kể đến vai trò chính trong vụ án đó là Dương Xuân T1, bởi bị cáo T1 là người khởi xướng rủ T2, H đánh bạc ăn tiền và bị cáo cũng là người trực tiếp đi mua bộ tú lơ khơ để làm phương tiện phạm tội xong khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc xem xét đến nhân thân của bị cáo, bởi trước ngày phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc án ít nghiêm trọng, tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về tội lỗi của mình, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn là lao động chính trong gia đình do vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng Điểm h, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46/BLHS để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo xong vẫn phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của luật pháp Nhà nước ta.

Đối với Trịnh Xuân D2 trước ngày phạm tội không có tiền án, tiền sự xong bị cáo có nhân thân xấu cụ thể: Ngày 04/8/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 14 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc, sau khi được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Sau khi vụ án xảy ra, tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm bị cáo D2 đã khai báo thành khẩn, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về tội lỗi của mình, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo theo quy định theo Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46/BLHS, ngoài tình tiết giảm nhẹ nêu trên, bị cáo còn có bố đẻ là người được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất (BL341) căn cứ theo khoản 3 Điều 7/BLHS, điều khoản có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017. Hội đồng xét xử cần áp dụng thêm Điểm x Khoản 1 Điều 51/BLHS (năm 2015) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo xong vẫn phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của luật pháp Nhà nước ta và mang tính chất phòng ngừa chung cho những ai còn coi thường luật pháp, coi thường kỷ cương phép nước.

Còn lại các bị cáo: Nguyễn Hồng T2; Bùi Văn H; Nguyễn Hữu T3; Nguyễn Văn T4; Bùi Thanh C và Nguyễn Đình D1, trước ngày phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc án ít nghiêm trọng tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về tội lỗi của mình. Các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn do vậy khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần áp dụng Điểm h, Điểm p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46/BLHS để giảm nhẹ một

phần hình phạt đối với các bị cáo và xét thấy cũng chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ điều kiện để các bị cáo thấy được tính nghiêm minh của luật pháp và cũng để các bị cáo thấy được tính khoan hồng của Đảng, pháp luật Nhà nước ta đối với người đã biết ăn năn hối cải về tội lỗi của mình.

Xét về hình phạt bổ sung: Xét thấy hiện tại các bị cáo không có điều kiện để thi hành Hội đồng xét xử cần miễn cho các bị cáo theo quy định tại Khoản 3 Điều 248/BLHS.

Vật chứng trong vụ án Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 41/BLHS và Điều 76/BLTTHS tịch thu tiêu hủy một bộ bài tú lơ khơ do các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội. Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 16.150.000 đồng, một số điện thoại di động cơ quan Điều tra thu giữ, xong các bị cáo không dùng làm phương tiện phạm tội cơ qua Điều tra đã trả lại cho các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy các quyết định trả lại tài sản là có căn cứ Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Dương Xuân T1; Nguyễn Hồng T2; Bùi Văn H; Nguyễn Hữu T3; Nguyễn Văn T4; Bùi Thanh C; Nguyễn Đình D1; Trịnh Xuân D2, đều phạm vào tội "*Đánh bạc*".

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 248/BLHS, Điểm h, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46/BLHS.

Xử phạt bị cáo: Dương Xuân T1: 03(ba) tháng tù được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 14 ngày, bị cáo còn phải thi hành tiếp: 02 tháng 16 ngày (hai tháng mười sáu ngày) thời hạn thi hành án được tính từ ngày vào trại thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248/BLHS, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46/BLHS, NQ 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016, Khoản 3 Điều 7; Điểm x Khoản 1 Điều 51/BLHS (năm 2015).

Xử phạt bị cáo: Trịnh Xuân D2: 03(ba) tháng tù được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam: 21 ngày, bị cáo còn phải thi hành tiếp: 02 tháng 9 ngày (hai tháng chín ngày) thời hạn thi hành án được tính từ ngày vào trại thi hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248/BLHS; Điểm h, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 30/BLHS:

- Nguyễn Hồng T2: 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*)
- Bùi Văn H: 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*)
- Nguyễn Hữu T3: 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*)
- Nguyễn Văn T4: 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*)
- Nguyễn Đình D1: 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*)
- Bùi Thanh C: 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*)

Sung công quỹ nhà nước. Buộc các bị cáo phải thi hành hình phạt hình phạt tiền trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 41/BLHS và Điều 76/BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy một bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 16.150.000 đồng (*mười sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 99/BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai hình sự sơ thẩm có mặt các bị cáo, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP- Sở tư pháp;
- Phòng Cảnh sát kinh tế - CA tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- UBND (T/báo);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Lan